

TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ HOA KỲ TRONG LĨNH VỰC QUÂN SỰ GIAI ĐOẠN 1940-1945

ThS. Nguyễn Văn Hoàn, CN. Lê Văn Dũng

Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng

1. Mở đầu

Theo *Từ điển tiếng Việt*, *quan hệ* là “sự gắn liền về mặt nào đó giữa hai hay nhiều sự vật với nhau, khiến sự vật này biến đổi, thay đổi thì có thể tác động đến sự vật kia” [5, 799]. *Ngoại giao* là “sự giao thiệp với nước ngoài để bảo vệ quyền lợi của quốc gia mình và góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung” [5, 683].

Quan hệ, hợp tác để đạt được mục tiêu cùng phát triển là điều quan trọng và cần thiết cho nhân loại để *cùng tồn tại*. Từ bước đầu tiên hình thành khi có sự xuất hiện của nhà nước, với những nội dung sơ khai, đơn giản, ngày nay *quan hệ ngoại giao* đã được nâng lên thành một lĩnh vực quan trọng vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật, trở thành một hoạt động thiết yếu của nhà nước.

Việt Nam và Hoa Kỳ từ rất sớm trong lịch sử đã tìm đến nhau vì mục đích hòa bình, hợp tác. Trong những năm 1940-1945, giữa cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ đã có những mối quan hệ tốt đẹp trên một số lĩnh vực như chính trị, quân sự, thông tin và hai bên đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần thực hiện mục tiêu chung trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít Nhật ở Á Đông. Bài viết tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn 1940-1945 trong lĩnh vực quân sự góp phần quan trọng vào công việc chung của hai phía.

2. Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ trong lĩnh vực quân sự

Theo *Từ điển tiếng Việt*, *quân sự* là “những vấn đề về xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang” [5, 806]. Trong giai đoạn đồng minh chống phát xít 1940-1945, cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ đã quan hệ trong lĩnh vực quân sự như sau:

Một là, cách mạng Việt Nam muốn Hoa Kỳ giúp đỡ về vũ khí và phương tiện kháng chiến để chống phát xít Nhật và tranh thủ để trang bị vũ khí cho lực lượng, hỗ trợ cho cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh hiểu rất rõ rằng, để chống lại kẻ thù được trang bị đến *tận răng* thì không thể chiến đấu bằng vũ khí thô sơ, do đó lực lượng kháng chiến của cách mạng Việt Nam cần phải được trang bị vũ khí hiện đại. Vì vậy, khi được Hoa Kỳ - một đế quốc mạnh và hàng đầu về buôn bán vũ khí đề nghị hợp tác cùng chống lại phát xít Nhật thì lãnh tụ Hồ Chí Minh đã không ngần ngại đề bạt ý kiến của mình một cách thẳng thắn như tính cách của người Hoa Kỳ, Người đề cập được giúp đỡ về “vũ khí và thuốc men”, những thứ cần và có ý nghĩa lớn đối với cuộc kháng chiến mà Đảng Cộng sản lãnh đạo nhân dân Việt Nam đang tiến hành, nhằm giải phóng dân tộc.

Mong muốn được hợp tác với Hoa Kỳ của cách mạng Việt Nam đã không diễn ra dễ dàng mà đã gặp phải nhiều âm mưu và hành động ngăn cản có ý phá hoại của thực dân Pháp và Tưởng Giới Thạch. Vì “Pháp đã muốn ve vãn cảm tình và sự ủng hộ của người Anh, cùng là nước thực dân như nhau, để loại trừ người Mỹ. Còn Trung Quốc lại lo giành thế mạnh trên bàn đàm phán hòa bình sau này về các đặc quyền ngoại giao và nhượng địa của người Pháp ở Trung Quốc” [7, 125], cuộc tiếp xúc đầu tiên này giữa phía cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ chưa thể đạt được mong muốn như phía Việt Nam mong đợi, mặc dù phát ngôn của Việt Nam đã nhấn mạnh rằng, Mặt trận Việt Minh chỉ chống Nhật.

Ngày 19.3.1945, Tướng Wedeweyer cho phép Tướng Chennault tiến hành những hoạt động theo tinh thần Roosevelt. Ngày 20.3.1945, Charles Fenn đã có cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh và sau đó là Tướng Chennault trở về nước thì những yêu cầu mà cách đó ít ngày Hồ Chí Minh gửi thông điệp tới Charles Fenn không được đáp ứng, giờ đã được vị tướng của OSS tặng “sáu khẩu súng ngắn, hai vạn viên đạn, một số thuốc chữa bệnh và tiền. Nhưng Hồ Chí Minh chỉ nhận súng đạn, thuốc men” [4, 122-123], đây có thể coi là lần viện trợ đầu tiên về vũ khí của Hoa Kỳ cho cách mạng Việt Nam để thực hiện mục tiêu chung chống phát xít Nhật.

Khi hai bên đã hợp tác với nhau thì số hàng quân sự tiếp tế cũng tăng lên “căn cứ vào số trang bị của bộ đội Việt - Mỹ trong trận đánh ở thị xã Thái Nguyên (ngày 20.8.1945), số vũ khí tiếp tế gồm có: 1 đại liên, 2 súng cối 60mm, 4 khẩu Badoca, 8 trung liên, 20 tiểu liên Tômxon, 60 cạc bin, 4 súng trường gióp 8 tự động, 20 súng ngắn côn bát và một số ống nhòm” [4, 127], “những thứ hàng này được tiếp tế thành nhiều đợt, chuyển tới những khu vực được Việt Minh quy định trước. Theo F.Tan, *những chuyến hàng tiếp tế này đã gây niềm phấn khởi lớn và làm cho kho hàng của Mặt trận Việt Minh tăng lên ở 10 điểm khác*” [4, 127].

Hai là, Hoa Kỳ giúp cách mạng Việt Nam huấn luyện lực lượng kháng chiến.

Để chiến thắng được kẻ thù không những cần phải có lực lượng, lòng nhiệt huyết với cách mạng, được trang bị vũ khí mà còn cần phải được đào tạo một cách bài bản. Lúc này, lực lượng vũ trang kháng chiến của cách mạng Việt Nam cũng cần phải được đào tạo một cách bài bản, khoa học để biết sử dụng vũ khí hiện đại, biết cách đánh, vô hiệu hóa vũ khí của kẻ địch, từ đó có thể *lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều*.

Lực lượng vũ trang kháng chiến của cách mạng Việt Nam được thành lập vào cuối năm 1944, xuất thân chủ yếu là công nhân và nông dân chứ không phải *con nhà lính*, khi chiến đấu thì chỉ biết sử dụng đến gậy gộc, giáo mác, đao kiếm, cung tên...những loại vũ khí thô sơ và có độ sát thương thấp, chỉ thích hợp với việc đánh du kích, đánh tia, giáp lá cà. Ở bên kia chiến tuyến, quân đội phát xít Nhật và thực dân Pháp được trang bị trên mình những loại vũ khí hiện đại, có độ sát thương cao, tính hủy diệt lớn, có thể đánh phá

mục tiêu từ xa, quy mô đánh lớn và cơ hội chiến thắng gần như là tuyệt đối khi so sánh với lực lượng vũ trang kháng chiến của cách mạng Việt Nam lúc này đã yếu lại còn mỏng.

Được trang bị một số loại vũ khí hiện đại (súng lục, tiểu liên, trung liên, badoca, súng cối...). Tuy nhiên, khi đến được tay người Việt Nam thì nó lại trở nên lạ lẫm, trở thành những loại vũ khí chỉ có thể *trung bày, ngắm nhìn*, vì không biết cách sử dụng, nếu sử dụng không đúng cách thức thì còn *phản tác dụng*. Do đó, những quân nhân Hoa Kỳ đến đây “vừa huấn luyện cho một số cán bộ quân sự của ta về kỹ thuật sử dụng vũ khí mới và chiến thuật du kích, vừa làm nhiệm vụ liên lạc với các cơ quan của Mỹ ở Côn Minh” [77,126] và “trong bảy tuần lễ, Thomas và các chuyên viên Mỹ đã dành bốn tuần huấn luyện khoảng 200 người được lựa chọn kỹ lưỡng để làm cán bộ lãnh đạo tương lai cho quân đội của các tướng Chu Văn Tấn và Võ Nguyên Giáp” [7, 147].

Chiến thuật đánh du kích mà nhân dân ta thường xuyên sử dụng trong các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc được thổi thêm vào luồng sinh khí, khiến cho chiến thuật này phát huy có hiệu quả hơn, phù hợp với chiến tranh nhân dân, *lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh* chứ không phải là trên mặt trận *đối công* với lực lượng quân đội xâm lược hùng mạnh. Cho đến năm 1954 thì quân đội Việt Nam mới có thể tiến hành được một cuộc *tổng đối công* quyết định tại *Điện Biên Phủ*.

Ba là, lực lượng vũ trang của cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ đã tổ chức được một đơn vị chiến đấu chung.

Để phối hợp tác chiến, “Hồ Chí Minh đã chỉ thị chọn người trong các đơn vị giải phóng quân để tổ chức một đơn vị gọi là bộ đội Việt - Mỹ, do Đàm Quang Trung chỉ huy, lúc đầu quân số của đơn vị này có khoảng 200 người; Thiếu tá Thomas tự coi là tham mưu trưởng của đại đội” [4, 126-127]. Tuy nhiên tham gia vào đơn vị chủ yếu là người Việt Nam, số lượng quân nhân Hoa Kỳ rất ít.

Việc thành lập một đơn vị quân đội chung của cả hai bên là một việc làm cần thiết và nó hoàn toàn có lợi đối với cách mạng Việt Nam vì:

Thứ nhất, lực lượng kháng chiến của cách mạng Việt Nam trong lúc chiến đấu sát cánh cùng với những quân nhân Hoa Kỳ, sẽ học hỏi thêm được về kinh nghiệm bày binh bố trận, sử dụng vũ khí thành thạo, bảo quản vũ khí, cách đánh và tập dượt chiến đấu, chuẩn bị cho những trận đánh lớn sau này.

Thứ hai, khi phối hợp chiến đấu lực lượng kháng chiến của cách mạng Việt Nam cũng sẽ an toàn hơn, được bảo vệ bởi những kinh nghiệm chiến đấu dày dặn, trải qua nhiều trận mạc, nhiều chiến trường của quân nhân Hoa Kỳ, dù số lượng quân nhân Hoa Kỳ tham gia vào đơn vị ít, chủ yếu là quân nhân trong nhóm OSS.

Thứ ba, khi phối hợp chiến đấu chung trong cùng một đơn vị, vô hình chung đã góp phần *danh chính ngôn thuận*, rằng cách mạng Việt Nam và Hoa Kỳ đã cùng sát cánh chiến đấu, sinh hoạt cùng nhau, là một cách *hợp thức hóa* để quân đội Đồng minh, thực dân Pháp và Tưởng Giới Thạch “thấy” Việt Minh là một bộ phận trong phe Đồng minh chống phát xít, Việt Minh đã đồng minh với một “*ông lớn*” trong phe Đồng minh.

Thứ tư, trong lúc sát cánh cùng nhau chiến đấu thì quân nhân Hoa Kỳ đã có sự cảm mến và thân thiết với những chiến sỹ cách mạng và nhân dân Việt Nam, “quan hệ giữa những người Mỹ hoạt động trong đội *con Nai* với nhân dân ta cũng rất tốt đẹp, họ nhanh chóng thích ứng với cuộc sống khó khăn ở nơi núi rừng, cảm phục sự giúp đỡ tận tình của nhân dân Việt Nam. Vì vậy đã nhận xét rằng *người Mỹ và người Việt Nam đã trở thành những đôi bạn thân thiết, họ chung sống với nhau rất hữu nghị, sát vai nhau làm việc*” [4, 128-129].

Vùng rừng núi Việt Bắc vốn là nơi khó khăn, hiểm trở, điều kiện đi lại khó khăn, nguy hiểm đến tính mạng bởi thú dữ, cây độc...nhưng lại là nơi trú ẩn an toàn cho cách mạng Việt Nam, những người Hoa Kỳ khi tới đây cũng sẽ được chính địa hình, địa thế nơi đây, cùng với cách mạng và nhân dân Việt Nam bảo vệ. Tình cảm chân thành trong hợp tác làm việc, quý mến như những người bạn thân thiết đã khiến cho những người Hoa Kỳ đến đây thấy cảm mến và cũng có thái độ chân thành đối với cách mạng và nhân dân Việt Nam. Chính điều này cũng đã tạo tiền đề, cơ sở ủng hộ cho cách mạng Việt Nam sau này khi phải đối phó với một cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Chính phủ Hoa Kỳ tiến hành ở Việt Nam (1954-1975), khi đó nó đã tạo ra làn sóng dư luận tại Hoa Kỳ ủng hộ cho nhân dân Việt Nam.

Thứ năm, bộ đội Việt - Mỹ đã chiến đấu, giành được một số thắng lợi quan trọng.

Bộ đội Việt - Mỹ do Đàm Quang Trung chỉ huy đã hành quân kết hợp với lực lượng kháng chiến chủ lực của Việt Minh tham gia đánh Nhật ở thị xã Thái Nguyên. Ngày 20.8.1945 giành thắng lợi, thu được 600 súng trường và một số súng máy của địch. Cách mạng Việt Nam nhanh chóng “tổ chức thêm 2 chi đội mới - Đại đội Việt - Mỹ được bổ sung thêm người, tổ chức thành chi đội 4 do Đàm Quang Trung làm chi đội trưởng. Thiếu tá Thomas vẫn tự xem mình là tham mưu trưởng chi đội. Trong trận đánh đồn quân Nhật ngày 20.8.1945, theo yêu cầu của bộ chỉ huy ta, Thomas đã viết tối hậu thư bằng tiếng Anh kêu gọi quân Nhật đầu hàng Đồng minh và Quân giải phóng Việt Nam. Tối hậu thư có đoạn viết: *Chúng tôi là quân giải phóng Việt Nam và bộ đội Việt - Mỹ do đoàn thể Việt Minh lãnh đạo, hôm nay đã đến đây và bao vây, chúng tôi yêu cầu các anh em nhận những điều kiện này...*” [4, 130-131].

Như vậy, trong cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật của cách mạng Việt Nam đã có không ít các *tay súng* người Hoa Kỳ sát cánh, cùng chiến đấu, vì mục tiêu chung và vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của cách dân tộc Việt Nam.

Bốn là, cách mạng Việt Nam đã cứu giúp những phi công của Hoa Kỳ bị quân Nhật bắn rơi trên đất Việt Nam.

Cuối năm 1944, máy bay của lực lượng Đồng minh thường bay trinh sát và đánh Nhật ở Việt Nam; một máy bay của không quân Mỹ đã bị rơi ở khu vực gần thị xã Cao Bằng, viên trung úy phi công William Shaw đã nhảy dù được lực lượng tự vệ của Việt Minh cứu giúp, đưa về căn cứ gặp Hồ Chí Minh. Trong thời gian này Nhật - Pháp thường bao vây chặt biên giới Việt - Trung, nên việc nuôi dưỡng viên phi công Mỹ ở giữa rừng Việt Bắc là một việc không đơn giản, vì vậy Hồ Chí Minh đích thân đưa viên trung úy phi công trao cho Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Côn Minh” [4, 120].

Tuy cách mạng Việt Nam lúc này chưa trở thành đồng minh chính thức của lực lượng Đồng minh chống phát xít và cũng chưa có sự công nhận chính thức nào của một nước Đồng minh. Chỉ có cách mạng và nhân dân Việt Nam đang tình nguyện đứng về phe Đồng minh chống phát xít. Nhưng việc làm của cách mạng Việt Nam giúp William Shaw thoát khỏi sự săn lùng của Pháp - Nhật, sống sót trở về nhà trong hoàn cảnh khắc nghiệt của núi rừng Việt Bắc - nơi mà bất cứ người lạ mặt nào vào, nếu không chết bởi bệnh tật và thú dữ thì cũng bỏ mạng vì đói, được xem là quan hệ quân sự đầu tiên của cách mạng Việt Nam với Hoa Kỳ. Do tính nhân văn của người Việt và thiện chí mà cách mạng Việt Nam dành cho quân Đồng minh, lực lượng tiến bộ thế giới chống chiến tranh, chống phát xít và Hoa Kỳ cũng rất cảm kích trước hành động *hiệp nghĩa* của Việt Minh.

Phi công được xem như *đứa con cưng* của quân đội Hoa Kỳ, bởi vì để tuyển trạch trong quân ngũ và đào tạo được một phi công rất khó khăn, việc này cũng phải tiêu tốn khá nhiều tiền của, bởi không phải cứ có sức khỏe tốt là có thể trở thành phi công, mà phải có trình độ và tư duy logic tốt, chịu được áp lực cao của công việc. Vì thế chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng đánh đổi cả một đại đội lực lượng để cứu được một lính phi công bị nạn. Cách mạng Việt Nam đã cứu thoát và nuôi dưỡng khá nhiều phi công của Hoa Kỳ (17 người được cứu) bị gặp nạn trong điều kiện sống khắc nghiệt. Hành động này được xem là quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong mối quan hệ về mặt quân sự mà cách mạng và nhân dân Việt Nam đã làm được cho nhân dân và chính phủ Hoa Kỳ. Giúp cho Hoa Kỳ giảm được chi phí và ngân sách để đào tạo ra những sỹ quan phi công, đáp ứng cho những trận chiến quan trọng giúp Hoa Kỳ giành được những lợi thế nhất định trên chiến trường.

Cách mạng Việt Nam đã bảo đảm an toàn cho những quân nhân Hoa Kỳ tiếp đất xuống Việt Nam an toàn.

Người đầu tiên là trung úy C.Fenn đã được đón tiếp “tại một điểm được giao hẹn ở Tuyên Quang” [4, 125]. Tiếp đến là “ngày 16.7.1945, thiếu tá Thomas cùng một số người Mỹ nhảy dù xuống làng Kim Lung để cứu phi công Đồng minh bị rơi và giúp đỡ cách mạng Việt Nam” [4, 126] cũng đã được cách mạng Việt Nam dọn đường và đón tiếp những người xuống một cách an toàn, không bị nguy hiểm bởi sự sẵn lòng gắt gao của đội quân Pháp - Nhật cũng như sự nguy hiểm vốn có của Việt Bắc.

Sau chuyến nhảy dù đầu tiên thành công trót lọt, tổ chức tình báo OSS đã cho các nhóm tiếp theo nhảy dù xuống và những người này cũng được Việt Minh tiếp đón an toàn.

3. Kết luận

Trước 1940, “những lợi ích của Mỹ ở châu Á và Thái Bình Dương đã phát triển được gần một thế kỷ” [2, 110] nhưng Đông Dương với Hoa Kỳ chỉ là một bản đồ xa lạ, không có ý nghĩa gì, vì Hoa Kỳ không quan tâm đến vùng đất này. Khi phát xít Nhật “đặt một chân vào Đông Dương để làm ván nhảy chiếm vùng Đông Nam Á rộng lớn” thì Hoa Kỳ một mặt bị đe dọa về địa chính trị đang có ở Philippines, mặt khác bị đe dọa về *tự do thương mại* nên Hoa Kỳ buộc phải quan tâm đến Đông Dương, tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ hai, chống lại phát xít khi bị *nã súng vào người* trong trận Trân Châu cảng mà Tổng thống của họ đã gọi đó là *ngày ô nhục*.

Trong suốt quá trình lịch sử từ 1787 đến trước 1940, đã không ít lần Hoa Kỳ và Việt Nam mong muốn và có những hành động cụ thể nhằm thiết lập quan hệ với nhau, dù những nỗ lực này không mang lại kết quả cụ thể và rõ ràng. Khi hai nước đều có chung một mục tiêu, nhiệm vụ chung là chống lại phát xít Nhật (1940-1945), đã đưa hai nước xích lại gần nhau và trong hoàn cảnh đó, Việt Nam và Hoa Kỳ đã có một quan hệ đặc biệt. Tuy không có sự công nhận chính thức của Nhà nước Hoa Kỳ đối với cách mạng Việt Nam, nhưng hai bên đã phối hợp hành động chung, gắn bó với nhau. Cách mạng Việt Nam đã xem Hoa Kỳ lúc bấy giờ như “những người bạn Đồng minh to lớn, những người chống thực dân đầy tiềm lực”.

Sự viện trợ và hợp tác của Hoa Kỳ giai đoạn 1940-1945, đã góp phần không nhỏ tạo cơ sở và điều kiện cho cách mạng Việt Nam tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa thành công nhanh, gọn, ít đổ máu khi thời cơ cách mạng “*ngàn năm có một*” xuất hiện mà người Hoa Kỳ cung cấp. Trong những lúc sát cánh bên nhau, cùng sinh hoạt làm việc, chiến đấu giữa chiến sỹ cách mạng Việt Nam và người lính Hoa Kỳ đến Việt Nam đã nảy sinh tình cảm thân thiết của tình bạn, tình đồng chí, gắn bó, đùm bọc nhau như tình anh em ruột thịt nghĩa nặng tình sâu. Bởi trong chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, đoàn kết, thống nhất, chung sức, chung lòng là nét hàng xuyên đỏ thắm của văn hóa, cốt cách và đạo lý làm người của con người Việt Nam. Trên “mảnh đất Việt Nam đã xây đắp

một quan hệ gắn bó, một tình cảm đáng trân trọng giữa những người đại diện một cường quốc hùng mạnh với những người đại diện cho một đất nước anh hùng trên thế giới” [7, 149], tạo ra những tiền đề tốt đẹp cho quan hệ ngoại giao của nhân dân và chính phủ hai nước trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Archimedes L.A.Patti: *Why Viet Nam. Tại sao Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, 2001.
- [2] Bruce W.Jentleson: *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [3] Dixee R.Bartholomew Feis: *OSS và Hồ Chí Minh - Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006.
- [4] Phạm Thu Nga: *Quan hệ Việt - Mỹ 1939 - 1954*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.
- [5] Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2000.
- [6] Đào Ngọc Ninh: *Bí mật đội quân lê dương Pháp*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
- [7] Phạm Xanh: *Góp phần tìm hiểu lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.